

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



BÙI THỊ ÁNH HỒNG

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ
TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH
QUA THỰC TIỄN TẠI HUYỆN NÚI THÀNH,
TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hình thành tại:
Trường Đại học Luật Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Võ Khánh Minh**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật – Đại học Huế vào hồi
giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
Thư viện trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn.....	5
7. Kết cấu của luận văn.....	5
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ.....	6
1.1. Khái quát chung về bảo vệ môi trường không khí và pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.....	6
1.1.1. Khái niệm về môi trường không khí, ô nhiễm môi trường không khí	6
1.1.1.1. Khái niệm về môi trường không khí.....	6
1.1.1.2. Khái niệm ô nhiễm môi trường không khí.....	6
1.1.2. Nguyên nhân, tác hại ô nhiễm môi trường trong không khí.....	6
1.2. Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	8
1.2.1. Khái niệm, vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí....	8
1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.....	8
1.2.1.2. Vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.....	9
1.2.2. Sự cần thiết bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	9
1.3. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	10
1.3.1. Quy định quản lý về hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí.....	10
1.3.2. Nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.....	10

1.4. Các yếu tố đảm bảo thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	10
1.4.1. Bảo đảm bằng các biện pháp chế tài	10
1.4.2. Tập trung làm tốt các công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.....	11
1.4.3. Bảo đảm bằng ý thức của các chủ thể tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí.....	11
1.4.4. Thể chế hóa các thành tựu khoa học trong hoạt động doanh nghiệp qua đó kích thích kinh tế phát triển đồng thời bảo vệ môi trường không khí	11
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM.	13
2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.	13
2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	13
2.1.2. Thực thi trách nhiệm quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí ..	13
2.1.2.1. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường không khí..	14
2.1.2.2. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhiệm vụ quan trắc môi trường không khí	14
2.1.2.3. Kinh phí cho công tác BVMT không khí.....	14
2.1.3. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh.....	15
2.1.3.1. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở nông thôn, khu dân cư.....	15
2.1.3.2. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các doanh nghiệp trên địa bàn.....	15
2.1.3.3. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.....	16
2.2. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	16

2.2.1. Thực trạng quy định về hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí.	16
2.2.2 Thực trạng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm	16
2.2.2.1 Xử lý vi phạm hành chính	16
2.2.2.2 Vương mắc trong chế tài hình sự	17
2.2.2.3 Về bồi thường thiệt hại về môi trường không khí.....	17
2.2.3 Thực trạng các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí...	17
2.3 Thực trạng và hạn chế trong việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh huyện Núi Thành	17
2.3.1. Thực trạng việc thực thi trách nhiệm của Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.....	17
2.3.2 Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường không khí ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh.....	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	18
Chương 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH....	19
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	19
3.1.1. Đảm bảo con người được sống trong môi trường trong lành là nguyên tắc trụ cột, là quyền tự nhiên của con người.....	19
3.1.2. Hoàn thiện quy định về QCVN môi trường không khí, đặc biệt là quy chuẩn kỹ thuật về khí thải.....	19
3.1.3. Quy định cụ thể nội dung về đánh giá tác động môi trường không khí, quan trắc môi trường không khí.	19
3.1.4. Cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm khuyến khích cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện môi trường không khí.....	20
3.1.5. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, giám sát môi trường để đáp ứng được các yêu cầu về quản lý khí thải của doanh nghiệp.....	20

3.1.6. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hành chính, pháp luật hình sự về vi phạm môi trường không khí.	20
3.1.7. Giải pháp lâu dài, cần xây dựng Luật không khí sạch ở Việt Nam.....	21
3.2. Tăng cường cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước, quản lý môi trường tại chính các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong bảo vệ môi trường không khí	21
3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.....	21
3.2.2. Huy động sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng trong việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh	21
3.2.3. Kiểm soát chặt chẽ xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường không khí trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn.....	21
3.2.4. Sử dụng công nghệ sạch thân thiện với môi trường đối với các ngành công nghiệp có nguy cơ cao gây ô nhiễm và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo	22
3.2.5. Chấm dứt phát thải các chất gây ô nhiễm không khí làm giảm lượng khí nguy hại ra môi trường và làm chậm lại sự ấm lên toàn cầu.	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	22
KẾT LUẬN.....	24
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	25

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nước ta đang trong quá trình chuyển từ một nền kinh tế lạc hậu mang tính chất tự nhiên sang một nền kinh tế thị trường có nghĩa là chúng ta đang trong quá trình thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ sang một nền kinh tế sản xuất lớn ngày càng hiện đại. Một nền sản xuất lớn đòi hỏi phải có một cơ cấu cơ sở hạ tầng và những công cụ lao động ngày càng tiến bộ. Để tạo lập ra những cơ sở vật chất kỹ thuật đó thì theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác, mọi quốc gia đều phải tiến hành quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất luôn gắn liền với việc quản lý và xử lý chất thải, khí thải. Đây là một trong những công tác quan trọng nếu không được thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đảm bảo an toàn sẽ gây ô nhiễm đến nguồn nước, đất, không khí,... gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân khu vực lân cận.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tuân thủ những quy định quốc tế về vấn đề môi trường và nhận thức rất rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đến nay, Nhà nước đã hai lần ban hành Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2005 và 2014 cùng với một số Nghị định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trước thực trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, Đại hội XI của Đảng xác định vị trí, vai trò quan trọng của biến đổi khí hậu. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020 khẳng định: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Vì vậy tại Đại hội yêu cầu cần tập trung chính vào những nội dung sau: Một là, khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Hai là, các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường. Ba là, Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời có các cơ chế, chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường.”

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua đã làm cho môi trường của chúng ta bị ô nhiễm và suy thoái trầm trọng, tác động xấu đối với sức khỏe con người (gây ra các bệnh về hô hấp), ảnh hưởng đến các hệ sinh thái và biến đổi khí hậu (hiệu ứng "nhà kính", mưa axit),...

Công nghiệp hoá, đô thị hoá càng phát triển thì nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí càng nhiều.

Theo PGS.TS Đinh Đức Trường - Phó trưởng khoa Môi trường và Đô thị, có đến 80% khu công nghiệp Việt Nam đang vi phạm quy định về môi trường. Mỗi năm, Việt Nam thiệt hại do ô nhiễm môi trường tương đương với 5% GDP, trong khi con số này của Trung Quốc là 10%. Tuy nhiên, nếu ô nhiễm môi trường theo đà tăng tiến như hiện nay, Việt Nam có thể vượt qua Trung Quốc về ô nhiễm.¹

Trước thực trạng đó, Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, trong đó pháp luật được đánh giá là công cụ hiệu quả nhất. Thông qua pháp luật, Nhà nước đã tác động đến các chủ thể khi họ có hành vi tác động đến môi trường không khí, qua đó định hướng cho các chủ thể thực hiện hành vi có lợi hơn cho môi trường không khí, góp phần bảo vệ môi trường không khí. Tuy nhiên, hệ thống quy phạm pháp luật bảo vệ môi trường, công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua vẫn còn đó những hạn chế chưa khắc phục do việc thiếu các quy định pháp luật cụ thể, sự am hiểu và chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân còn yếu kém.

Xuất phát từ các vấn đề trên, tôi đã chọn đề tài: *“Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh qua thực tiễn tại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”* làm đề tài nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Pháp luật về môi trường là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học, luật gia quan tâm nghiên cứu ở các mức độ khác nhau. Khi tiến hành nghiên cứu đề tài này, tác giả có tìm hiểu và nhận thấy trước đó đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này như:

- Đề tài Luận án Tiến sĩ của tác giả Bùi Đức Hiền (2016) – Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *“Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam”*. Luận án tập trung phân tích chuyên sâu về vấn đề lý luận, pháp lý của pháp luật kiểm soát môi trường không khí ở nước ta. Qua đó nhìn nhận những mặt tồn tại đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đảm bảo con người được sống trong môi trường trong lành, an toàn.

- Đề tài Luận văn Thạc sĩ của tác giả Đoàn Thị Thùy Dương (2017) – Đại học Luật Hà Nội: *“Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí ở Việt Nam hiện nay”*. Luận văn đã phân tích được những nội dung chủ yếu của

¹ PGS.TS Đinh Đức Trường, 2016, Hội thảo về kinh tế Việt Nam trong trung hạn và một số ảnh hưởng của yếu tố môi trường.

pháp luật môi trường không khí tại Việt Nam và đề xuất phương án hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường không khí tại nước ta. Tuy nhiên chưa đi sâu phân tích vào một vấn đề thực tiễn thực hiện pháp luật môi trường không khí tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh hay các khu công nghiệp ở Việt Nam.

- Đề tài Luận văn Thạc sĩ của tác giả Đinh Phương Quỳnh (2011): “*Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*”. Nghiên cứu đã hệ thống hóa và làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam, thực trạng của pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam, những thành tựu của pháp luật bảo vệ môi trường, những vấn đề đặt ra hiện nay trong việc điều chỉnh của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Đề tài Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Hồng Linh (2017) – Học viện Hành chính Quốc gia: “*Quản lý nhà nước bằng pháp luật về bảo vệ môi trường – từ thực tiễn tỉnh Hải Dương*”. Từ những nội dung về pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam hiện hành, luận văn đã phân tích thực trạng tại tỉnh Hải Dương và đưa ra giải pháp hoàn thiện, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực này.

- Bài báo cáo của tác giả Jim, Wendy Y. Chen (2008) “*Đánh giá hệ sinh thái dịch vụ loại bỏ chất ô nhiễm không khí bằng cây xanh đô thị tại Quảng Châu (Trung Quốc)*”, Tạp chí Quản lý môi trường số 88, trang 665 – 676. Bài viết cho rằng bên cạnh các giải pháp kỹ thuật để giảm ô nhiễm không khí, thảm thực vật đô thị ngày càng được công nhận là phương pháp cải thiện thay thế bằng cách loại bỏ một số chất ô nhiễm chủ yếu thông qua quá trình lắng đọng khô.

Các công trình nghiên cứu đã đề cập một cách khá toàn diện về pháp luật bảo vệ môi trường cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các nghiên cứu về thực tiễn pháp luật bảo vệ môi trường không khí tại Việt Nam ở các cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn chưa được các tác giả đề cập nhiều. Chính vì vậy, luận văn sẽ làm rõ những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường và thực tiễn tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, khu công nghiệp thuộc tỉnh Quảng Nam để từ đó đưa ra phương án, đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Luận văn đưa ra các vấn đề khái quát chung về pháp luật môi trường ở Việt Nam, đi sâu vào phân tích các quy định pháp luật về môi trường không khí tại các khu công nghiệp. Từ thực trạng thực hiện tại địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở phân tích, đánh giá những vấn đề, thách thức đặt đề xuất những giải pháp hết sức tổng thể và toàn

diện, nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường huy động nguồn lực bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới và việc tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Nghiên cứu cơ sở lý luận về thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí tại Việt Nam.

(2) Phân tích thực trạng áp dụng quy định pháp luật về môi trường không khí tại khu công nghiệp Bắc Chu Lai và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

(3) Đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục thực trạng và hoàn thiện quy định pháp luật về môi trường không khí ở Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn chủ yếu là các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận trong Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác. Bên cạnh đó, tác giả cũng có sự quan tâm thích đáng đến việc nghiên cứu các quan điểm, lý thuyết khoa học về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Phạm vi về không gian

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn xoay quanh pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ở Việt Nam. Đồng thời đi sâu vào nghiên cứu quan điểm việc áp dụng thực tiễn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

4.2.2. Phạm vi về thời gian

Luận văn nghiên cứu trong phạm vi thời gian từ năm 2015 đến năm 2019.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên sự kết hợp giữa các phương pháp như sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng xuyên suốt trong luận văn nhằm phân tích các khái niệm, các quy định pháp luật, số liệu,... sau đó tổng hợp lại cho người đọc có những cái nhìn bao quát.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

Bên cạnh đó, còn sử dụng thêm một số phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê, phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm, phương pháp chuyên gia,.. Các phương pháp này được sử dụng một cách linh hoạt để đảm bảo hiệu quả và tính thuyết phục của luận văn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về môi trường không khí. Đồng thời, qua thực tiễn tại địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, luận văn cũng góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh đang hoạt động tại khu công nghiệp thuộc khu vực nghiên cứu.

- Trên cơ sở Luật bảo vệ môi trường 2014 và pháp luật liên quan, luận văn nghiên cứu làm rõ các vấn đề từ lý luận, pháp lý đến thực tiễn thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở Việt Nam hiện nay.

- Luận văn đã đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu công nghiệp ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn huyện Núi Thành nói riêng.

- Qua thực tiễn tại địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, luận văn cũng góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành ở địa phương nghiên cứu, hoàn thiện chính sách pháp luật qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Từ đó, đưa ra các định hướng, giải pháp góp phần nào đó vào việc hoàn thiện các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí đồng thời có thể sử dụng tài liệu này để nghiên cứu, tham khảo và giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật.

7. Kết cấu của luận văn

Bên cạnh phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường không khí và thực tiễn thực hiện tại cơ sở sản xuất, kinh doanh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh Việt Nam hiện nay.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1.1. Khái quát chung về bảo vệ môi trường không khí và pháp luật về bảo vệ môi trường không khí

1.1.1. Khái niệm về môi trường không khí, ô nhiễm môi trường không khí

1.1.1.1. Khái niệm về môi trường không khí

Môi trường không khí là hỗn hợp các khí bao bọc quanh trái đất có nhiệm vụ duy trì và bảo vệ sự sống trên toàn bộ bề mặt trái đất. Không khí có vai trò rất quan trọng, là một yếu tố không thể thiếu đối với sự sinh tồn và phát triển của sinh vật trên trái đất.

1.1.1.2. Khái niệm ô nhiễm môi trường không khí

Qua đó tác giả có thể rút ra khái niệm như sau: “*Ô nhiễm không khí là sự có mặt của các hoạt chất hoặc các hạt trong không khí gây biến đổi khí hậu, gây bệnh cho con người và gây hại cho sinh vật khác như động vật và thực vật. Hoạt động của con người và các quá trình trong tự nhiên có thể gây ra ô nhiễm không khí*”.

1.1.2. Nguyên nhân, tác hại ô nhiễm môi trường trong không khí

*** Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí**

Có 2 nguyên nhân chính gây ra tình trạng ô nhiễm không khí hiện nay đó là: Ô nhiễm từ tự nhiên và ô nhiễm không khí do con người gây nên.

- Ô nhiễm từ tự nhiên:

- + Ô nhiễm từ gió
- + Bão
- + Cháy rừng
- + Núi lửa

Ngoài ra còn một số yếu tố khác như chất phóng xạ trong tự nhiên, sóng biển... cũng góp một phần nhỏ nguyên nhân vào hiện tượng ô nhiễm không khí.

- Ô nhiễm không khí do con người gây nên:

Có thể nói nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng ô nhiễm nặng nề như hiện nay phần lớn đều do các hoạt động từ sinh hoạt, công việc mà con người tạo ra. Các khu công nghiệp, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm không khí từ việc thải khí ra môi trường mà không cần xử lý và coi việc đó là bình thường. Dưới đây là một số nguyên nhân gây nên ô nhiễm không khí dưới sự tác động của con người:

- + Ngành công nghiệp
- + Giao thông vận tải
- + Chiến tranh hay các cuộc tập trận quân sự
- + Sinh hoạt

*** Tác hại của ô nhiễm môi trường không khí**

- Đối với con người:

+ *Gây ra các bệnh về hô hấp*: Ô nhiễm không khí là nguyên nhân chính gây ra các bệnh về đường hô hấp như viêm phổi, dị ứng....

+ *Ung thư*: Hít phải nhiều khí độc sẽ làm tăng nguy cơ ung thư phổi. Không chỉ thế, khí độc vận chuyển trong cơ thể, gây ung thư nhiều bộ phận khác.

+ *Ảnh hưởng tới não bộ*: ô nhiễm không khí có thể tác động tới não bộ, làm suy giảm nhận thức và mất trí nhớ.

+ *Ảnh hưởng tới tim mạch*: Ô nhiễm không khí cũng đang nổi lên như là một yếu tố nguy cơ cho đột quỵ, đặc biệt là ở các nước đang phát triển có nồng độ ô nhiễm cao nhất.

- Đối với động - thực vật

Các hợp chất nguy hiểm như SO₂, NO₂, CO, H₂S, chì khi đi vào khí quản có thể gây tắc nghẽn, làm suy giảm hệ thống miễn dịch cũng như quá trình trao đổi chất của thực vật, làm lá vàng rụng sớm, bên cạnh đó gây hại trực tiếp cho thực vật khi đi vào khí khổng, làm hư hại hệ thống giảm thoát nước và giảm khả năng kháng bệnh.

Đối với vật nuôi, những bệnh phổ biến thường gặp ở vật nuôi cũng gần giống như ở người bao gồm viêm mũi, cổ họng, suyễn và viêm phế quản. Súc vật ăn lá cây nhiễm độ HF như ở trên sẽ bị bệnh rỗng xương. Để bảo vệ vật nuôi, chúng ta nên giữ cho nhà thông thoáng, dọn rác thường xuyên, hoặc nếu cần thiết, bạn có thể trang bị một máy làm khô không khí để cân bằng độ ẩm và làm sạch không khí.

- Đối với hệ sinh thái và hiệu ứng nhà kính

+ *Đối với hệ sinh thái*: Các hợp chất độc hại, điển hình là sun-fua ô-xít (sox) và ni-tơ ô-xít (nox). Hai hợp chất này là thủ phạm chính gây ra các trận mưa a-xít và hiện tượng sương mù. Mưa a-xít tác động tiêu cực tới

thực vật thông qua việc phá hủy lá, tăng mức độ ô nhiễm đất & gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt.

CO (cacbomonoxit) cũng được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến mất cân bằng hóa học. Trái đất đã mất đi 25% số rạn san hô – ngôi nhà của 25% cư dân đại dương (xấp xỉ 2 triệu loài) cũng do sự ảnh hưởng của thay đổi khí hậu bất thường.

+ *Hiệu ứng nhà kính*: Khoa học đã chứng minh thủ phạm chính dẫn tới hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu là khí các-bon đi-ô-xít (CO₂) và mê-tan (CH₄). Chính vì vậy, ô nhiễm không khí càng nặng thì hiệu ứng nhà kính càng cao. Hiệu ứng nhà kính gây nên những tác động khó lường đến biến đổi khí hậu và cuộc sống của con người như: Sự nóng lên của trái đất cũng làm thay đổi điều kiện sống bình thường của sinh vật trên trái đất, mực nước biển sẽ bị tăng dần lên từ đó sẽ thu hẹp diện tích đất ven biển và nếu mực nước biển dâng cao sẽ làm tràn ngập nhiều thành phố cũng như bến cảng. Nhiều loại bệnh tật lạ xuất hiện và người đối mặt với nó chính là con người, các loại dịch bệnh lan tràn khiến cho sức khỏe của con người suy giảm,....

- Gây thiệt hại lớn về kinh tế

Ô nhiễm không khí không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn khiến nảy sinh hàng loạt những vấn đề kinh tế - xã hội bất ổn. Ấn độ điều đứng khi ô nhiễm không khí cao hơn 50 lần mức độ cho phép; Thái Lan phải đóng cửa hơn 400 trường học... Tại Trung Quốc, ô nhiễm không khí từ khói bụi, trong đó có ôzôn và các hạt mịn đã tiêu tốn 267 tỷ NDT (38 tỷ USD) mỗi năm. Từ đó có thể thấy ô nhiễm không khí là kẻ thầm lặng gây thiệt hại lớn đối với phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Chỉ tính riêng Hà Nội, ước tính chi phí khám, chữa bệnh về hô hấp, thiệt hại kinh tế do nghỉ ốm với người dân nội thành là 1.500 đồng/người/ngày. Với khoảng 3,5 triệu dân nội thành, quy đổi tổng thiệt hại kinh tế do mắc các bệnh đường hô hấp khoảng 2000 tỷ đồng/năm.²

1.2. Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1.2.1. Khái niệm, vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí

1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí

Vậy từ khái niệm chung của pháp luật bảo vệ môi trường chúng ta có thể hiểu khái niệm về pháp luật bảo vệ môi trường không khí như sau: “*Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí là tổng hợp các quy phạm*

² Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thiệt hại về kinh tế và sức khỏe do ô nhiễm không khí <http://www.monre.gov.vn/Pages/thiet-hai-ve-kinh-te-va-suc-khoe-do-o-nhiem-khong-khi.aspx>, Truy cập ngày 14 tháng 12 năm 2019.

pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình các chủ thể sử dụng hoặc tác động đến môi trường không khí hoặc các quan hệ giữa các chủ thể và môi trường không khí trên cơ sở kết hợp các phương pháp điều chỉnh khác nhau nhằm bảo vệ một cách có hiệu quả môi trường không khí vì lợi ích của nhân loại và thế hệ mai sau”.

1.2.1.2. Vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí

Thứ nhất, pháp luật là cơ sở pháp lý quy định cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường không khí.

Thứ hai, pháp luật giúp ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên ảnh hưởng tới môi trường không khí.

Thứ ba, pháp luật xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường không khí.

Thứ tư, pháp luật điều hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái thông qua các quy định các chế tài ràng buộc con người thực hiện để bảo vệ môi trường không khí.

1.2.2. Sự cần thiết bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

Ở các khu vực nông thôn và miền núi, mật độ dân số thấp hơn, mức độ phát triển công nghiệp không lớn như ở đô thị nên nhìn chung ít bị áp lực của ô nhiễm không khí hơn. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương có sự hiện diện của các cơ sở chế biến, công nghiệp như khoáng sản, nhiệt điện, xi măng, hóa chất... tác động từ ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm không khí nói riêng cũng không hề nhỏ. Trong khi đó, hiện nay với xu hướng chuyển dịch các cơ sở công nghiệp ra khỏi đô thị, các khu vực vùng vành đai và nông thôn sẽ là nơi gánh chịu tác động của ô nhiễm nếu việc quản lý môi trường không được thực hiện và giám sát chặt chẽ. Xu hướng phát triển và mở rộng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn cả nước cũng góp thêm vào sức ép lên chất lượng không khí ở phạm vi rộng lớn hơn, không chỉ ở các khu vực đô thị mà khu vực nông thôn cũng dần có những dấu hiệu ô nhiễm không khí. Chính vì vậy, bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ góp phần quan trọng bảo vệ môi trường sống trong lành cho con người và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1.3.1. Quy định quản lý về hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí

*Quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí là các quy chuẩn trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường Việt Nam. Giải thích thuật ngữ quy chuẩn kỹ thuật môi trường, Điều 3 Luật môi bảo vệ trường 2014 có quy định: “Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường”.*³

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được phân loại thành:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Áp dụng bắt buộc trên phạm vi quốc gia.

+ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Áp dụng bắt buộc ở từng địa phương, nghiêm ngặt hơn quy chuẩn quốc gia và theo đặc thù từng đại phương.

+ Quy chuẩn kỹ thuật chất lượng môi trường xung quanh và quy chuẩn kỹ thuật chất thải.

1.3.2. Nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

“Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí là tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân chủ nguồn thải và các chủ thể khác trong phòng ngừa, dự báo; theo dõi, kiểm tra, giám sát, phát hiện những tác động đến môi trường không khí, hiện trạng môi trường không khí, sự biến đổi của môi trường không khí so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí; ngăn chặn; xử lý ô nhiễm môi trường không khí, đảm bảo cho môi trường không khí được trong lành, sạch đẹp.”

1.4. Các yếu tố đảm bảo thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1.4.1. Bảo đảm bằng các biện pháp chế tài

Để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường như hiện nay, Kế hoạch đã đề ra mục tiêu tổng quát hướng tới tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí (CLKK) thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải và giám sát CLKK xung quanh nhằm cải thiện chất lượng môi trường không

³ Giáo trình Luật môi trường, NXB Công an nhân dân, 2016

<http://thuvienso.hdu.edu.vn/doc/giao-trinh-luat-moi-truong-nxb-cong-an-nhan-dan-385737.html>; Truy cập ngày 19 tháng 12 năm 2019.

khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Các biện pháp được thực hiện để bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài hình sự. Bên cạnh đó còn có thêm trách nhiệm kỷ luật nhưng vẫn chưa được quy định hướng dẫn cụ thể.

1.4.2. Tập trung làm tốt các công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí

Triển khai thực hiện các quy định về BVMT không khí theo Luật BVMT năm 2014, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, trong đó tập trung vào công tác quản lý, giám sát các nguồn thải và trách nhiệm của chủ nguồn thải. Các cơ quan có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020 và tổ chức thực hiện; Xây dựng đồng bộ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải các ngành công nghiệp. Song song với các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường không khí thì các quy phạm pháp luật vẫn đang tiếp tục được rà soát, bổ sung và ban hành mới. Đó là các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường không khí xung quanh, khí thải phương tiện giao thông và các quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp. Mạng lưới quan trắc, dự án kiểm soát ô nhiễm, cảnh báo về môi trường không khí tại các đô thị lớn, các khu vực tập trung dân cư, đầu mối giao thông, khu vực nhạy cảm về môi trường càng được đẩy mạnh trong những năm gần đây.

1.4.3. Bảo đảm bằng ý thức của các chủ thể tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí

Để bảo vệ môi trường không khí, doanh nghiệp phải có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Đặc biệt, cần xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, gắn liền bảo vệ môi trường, trong đó quản lý được công nghệ hiện có và phát triển dựa trên điều kiện của Việt Nam. Các doanh nghiệp nên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản lý môi trường cho các nhân viên trong công ty, khen thưởng các cá nhân có ý thức tốt trong bảo vệ môi trường nơi làm việc nhằm thúc đẩy các cá nhân khác học hỏi và noi theo.

1.4.4. Thúc đẩy các thành tựu khoa học trong hoạt động doanh nghiệp qua đó kích thích kinh tế phát triển đồng thời bảo vệ môi trường không khí

Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành ngày 22/3/2018 xác định mục tiêu: “Đến năm

2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại”.

Để nắm bắt sự thay đổi hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan cần đánh giá được tiến độ thực hiện cam kết, kiểm soát quy trình kinh doanh sản xuất và truyền thông hiệu quả với cộng đồng. Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp nói chung hay nỗ lực BVMT nói riêng cần phải gắn liền với những giá trị bền vững tài chính, xã hội, môi trường và phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Hiện nay, Việt Nam đang là điểm đến quan trọng trên bản đồ sản xuất của thế giới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Vấn đề môi trường là vấn đề sống còn không chỉ đối với Việt Nam đối với mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trên thế giới. Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại nhiều giá trị về kinh tế, song nó cũng mang đến những ảnh hưởng nhất định đến môi trường sống của chúng ta. Chương 1 đã đi sâu vào làm rõ những vấn đề lý luận về pháp luật môi trường không khí. Đặc biệt tập trung vào những nội dung sau: Một là, định nghĩa về pháp luật bảo vệ môi trường không khí. Hai là, nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ba là, sự cần thiết của pháp luật về môi trường không khí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bốn là, các yếu tố đảm bảo thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM.

2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Núi Thành là huyện nằm phía Nam của tỉnh Quảng Nam, được thành lập năm 1983 trên cơ sở tách huyện Tam Kỳ thành thị xã Tam Kỳ và huyện Núi Thành. Phía bắc giáp thành phố Tam Kỳ, phía nam giáp huyện Bình Sơn và huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp huyện Nam Trà My, phía tây bắc giáp huyện Phú Ninh, phía đông giáp Biển Đông. Huyện có đường bờ biển dài 37 km với nhiều bãi tắm đẹp như biển Rạng, Tam Hải, Tam Tiến. Diện tích tự nhiên của huyện là 55.583,42 ha, toàn huyện có 144.053 người (số liệu đến 31/12/2016). Có hai dân tộc chủ yếu là người Kinh và người Cor (sống tại các thôn 4,6, 8 xã Tam Trà). Núi Thành cũng là huyện có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất tỉnh Quảng Nam. Với 172.09 km², đất lâm nghiệp chiếm 32.3% diện tích đất tự nhiên của huyện và phân bố chủ yếu ở các xã phía tây gồm Tam Sơn, Tam Thạnh, Tam Trà, Tam Mỹ Đông, và Tam Mỹ Tây. Đất thổ cư đạt 6 km² (chiếm hơn 1% diện tích đất tự nhiên của huyện).

Riêng ngành sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp do huyện Núi Thành quản lý gồm có 3 Cụm công nghiệp Nam Chu Lai, Cụm công nghiệp Trảng Tôn và Cụm công nghiệp Tam Mỹ Tây, trong đó có 2 Cụm đã đi vào hoạt động là Cụm công nghiệp Nam Chu Lai và Cụm công nghiệp Trảng Tôn, thu hút hàng chục doanh nghiệp vào đầu tư hoạt động sản xuất – kinh doanh, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động tại địa phương. Đặc biệt nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện tăng nhanh, trở thành địa bàn có số thu ngân sách lớn nhất tỉnh trong những năm gần đây.

2.1.2. Thực thi trách nhiệm quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí

Trong thời gian qua, Phòng TN&MT huyện Núi Thành đã có những tiến triển khả quan khi chú tâm hơn vào công tác bảo vệ môi trường không khí. Tăng cường lấy mẫu giám sát môi trường theo kế hoạch đối với các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các cơ sở là điểm nóng về ô nhiễm môi trường, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về môi trường... Qua đó, đã giúp nâng cao nhận thức và ý thức

của cấp ủy, chính quyền, người dân, tổ chức kinh tế, xã hội trong công tác bảo vệ môi trường ở các khu vực, lĩnh vực và đã đạt những kết quả tích cực.

2.1.2.1. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường không khí

Một là, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác BVMTKK có nhiều chuyển biến tích cực.

Hai là, công tác BVMTKK được chú trọng hơn, cụ thể đã có nhiều chương trình, kế hoạch BVMT

Ba là, các cấp, các ngành thực hiện nhiều biện pháp và đã giảm thiểu được tác động xấu của ngành công nghiệp đến môi trường.

Bốn là, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường chi cho công tác bảo vệ môi trường không khí cũng tăng lên không ngừng.

2.1.2.2. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhiệm vụ quan trắc môi trường không khí

Theo số liệu thống kê 5 năm qua (từ năm 2015 – 2019) trong tổng số 1.498 doanh nghiệp trên địa bàn huyện thì đã thẩm định và phê duyệt 423 doanh nghiệp DTM, 89 đề án bảo vệ môi trường chi tiết và 951 cam kết bảo vệ môi trường.

2.1.2.3. Kinh phí cho công tác BVMT không khí

Bảng 2.1 : Bảng nội dung chi ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường không khí trên địa bàn huyện Núi Thành từ năm 2015 đến năm 2019.

Đơn vị: 1.000 đồng.

Sự nghiệp môi trường	2015	2016	2017	2018	2019
- Lấy mẫu phân tích phục vụ công tác quan trắc môi trường không khí	77.990	85.173	87.330	112.118	186.573
- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công tác BVMT	10.000	12.350	15.660	40.000	51.000
- Kiểm tra công tác BVMT không khí các đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong 2 cụm CN - TTCN có khả năng gây ONMT.	14.000	17.000	31.000	52.000	70.000
- Hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Pháp luật môi	20.000	37.000	40.000	40.000	85.000

trường không khí					
Tổng	121.990	151.523	173.990	244.118	392.573

Nguồn: Số liệu thống kê Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành

2.1.3. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh

2.1.3.1. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở nông thôn, khu dân cư

Phòng TN&MT huyện Núi Thành đã tích cực phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, địa phương tập trung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở nông thôn, khu dân cư. Qua đó đạt được những kết quả vận động nhân dân thực hiện những hành động cụ thể như vệ sinh nhà cửa, sử dụng nước sạch, giữ gìn cảnh quan đường làng, ngõ xóm, thu gom rác thải đúng nơi quy định, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, loại bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu làm cho không khí trong lành hơn. Qua đó bộ mặt nông thôn, đô thị ở Núi Thành có nhiều thay đổi, đặc biệt cảnh quan được cải tạo xanh, sạch, đẹp, hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường. Hiện tượng ô nhiễm không khí cục bộ mới chỉ được ghi nhận tại một số vùng, khu vực có cụm điểm công nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư, sản xuất vật liệu xây dựng hay tại một số khu vực đang diễn ra hoạt động nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn

2.1.3.2. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các doanh nghiệp trên địa bàn

Huyện Núi Thành cũng ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường, hướng dẫn, yêu cầu các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường áp dụng biện pháp khắc phục và kiên quyết kiến nghị đưa ra khỏi địa phương những doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được chú trọng đầu tư. Đặc biệt nhiều doanh nghiệp đã đã có ý thức bảo vệ môi trường ở nơi làm việc thêm xanh, sạch, đẹp, hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường bằng cách trồng xen kẽ nhiều cây xanh quanh các bộ phận khác nhau làm ranh giới giữa các tòa nhà hành chính và tòa nhà chế xuất. Điển hình như: Khu phức hợp ô tô Chu Lai Trường Hải (THACO) đã xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, định hình được bản sắc văn hóa riêng của THACO dựa trên triết lý kinh doanh “Mang lại giá trị cho khách hàng, xã hội và có đóng góp thiết thực vào nền kinh tế đất nước”, mỗi năm, THACO đều hỗ trợ nhiều hoạt động cộng đồng xã hội, để chia sẻ trách nhiệm trong nhiều lĩnh vực như: Môi trường, An ninh Tổ quốc, An sinh xã hội, An toàn giao thông, Giáo dục, Văn hóa - Văn nghệ, Y tế

2.1.3.3. Thực thi pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Để thực hiện đúng chủ trương của Sở TN&MT thì Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các ban ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai ban hành danh mục các loại hình sản xuất không khuyến khích đầu tư trên cơ sở quy hoạch ngành nghề trong KCN Bắc Chu Lai. Tuyệt đối không tiếp nhận những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao vào các khu vực nhạy cảm về môi trường. Dựa vào đó, UBND huyện Núi Thành cũng đã ban hành các văn bản chỉ đạo trực tiếp đến các doanh nghiệp trên địa bàn huyện có hoạt động sản xuất kinh doanh, các làng nghề liên quan đến phát sinh khí thải nhằm triển khai việc thực hiện nghiêm túc công tác BVMTKK, hạn chế xả thải ra môi trường khí thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không triệt để.

2.2. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

2.2.1. Thực trạng quy định về hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí.

Thứ nhất, nhiều quy chuẩn kỹ thuật ban hành khá lâu cách đây từ 8 đến 10 năm nên nhiều yêu cầu về môi trường không khí không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

Thứ hai, quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí của Việt Nam vẫn chưa đầy đủ, các quy định còn mang tính chắp vá, thiếu tính hệ thống.

Thứ ba, chưa có quy định về tổng lượng thải.

Thứ tư, hiệu lực áp dụng của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí còn ở mức độ khá thấp.

2.2.2 Thực trạng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm

2.2.2.1 Xử lý vi phạm hành chính

Qua đó thấy được rằng, trên thực tiễn áp dụng xử lý vi phạm hành chính do hành vi ô nhiễm môi trường không khí vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường không khí trong bối cảnh hiện nay. Bởi:

Một là, hoạt động xả thải, gây ô nhiễm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng tinh vi nên việc xác định vi phạm về ô nhiễm môi trường không khí là không dễ dàng. Hai là, mức xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường không khí theo pháp luật hiện hành vẫn còn khá thấp nên chưa đảm bảo được tính răn đe đối với cá nhân, tổ chức vi phạm. Ba là, sự buông lỏng, thờ ơ của chính các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện nhiệm vụ của mình đã ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí.

2.2.2.2 Vương mắc trong chế tài hình sự

BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 đã chưa có các quy định về dấu hiệu định tội, định khung hình phạt nhà làm luật quy định “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng”, “đặc biệt nghiêm trọng”, hoặc “gây hậu quả lớn” nhưng lại chưa có các văn bản giải thích thế nào là “nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hay hậu quả lớn” khi xử lý tội phạm về môi trường nên đây cũng là một kẽ hở pháp luật thuận lợi cho các thành phần lợi dụng để vi phạm mà không bị xử phạt hình sự hoặc chỉ bị xử lý hành chính.

2.2.2.3 Về bồi thường thiệt hại về môi trường không khí

Đối với thiệt hại về môi trường không khí, pháp luật BVMT hiện hành chưa quy định cụ thể về loại thiệt hại này cũng như cách xác định thiệt hại về môi trường không khí làm cơ sở để yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2.2.3 Thực trạng các quy định về phát hiện ô nhiễm môi trường không khí

- Quy định về quan trắc hiện trạng môi trường không khí. Hiện nay, quan trắc môi trường không khí ở nước ta vẫn không được chú trọng dẫn đến không đáp ứng được công tác bảo vệ môi trường không khí.

- Quy định về thông tin tình hình môi trường không khí. Đây là quy định gây khó khăn cho người dân khi tiếp cận thông tin, hầu như khó thực hiện được.

- Thực trạng quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí. Đồng thời thực tiễn cũng cho thấy tổ chức, thực hiện thanh tra môi trường nói chung và môi trường không khí nói riêng vẫn còn bất cập từ chính các quy định pháp luật ra thực tiễn.

2.3 Thực trạng và hạn chế trong việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh huyện Núi Thành

2.3.1. Thực trạng việc thực thi trách nhiệm của Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí

Thứ nhất, việc lập dự toán, điều hành phân bổ, kiểm tra, ngân sách sự nghiệp môi trường địa phương chưa hợp lý.

Thứ hai, hoạt động quan trắc môi trường không khí trên địa bàn huyện vẫn còn sơ sài, thiếu công nghệ.

Thứ ba, một số quy định của pháp luật về hành vi VPHC trong lĩnh vực BVMT chưa được thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Thứ tư, vẫn còn nhiều Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường không được các đối tượng chấp hành.

Thứ năm, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường chưa cao.

Thứ sáu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành BVMT nói chung và BVMTKK nói riêng chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng lẫn chất lượng.

2.3.2 Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường không khí ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh

Một là, ô nhiễm không khí tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp của huyện chủ yếu là bụi và tiếng ồn.

Hai là, ý thức về bảo vệ môi trường không khí của một số doanh nghiệp còn chưa cao.

Ba là, hệ thống xử lý khí thải tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, KCN, KCX còn hạn chế, sơ sài, có nơi chỉ mang tính chất đối phó.

Bốn là, nguồn kinh phí của doanh nghiệp chi cho BVMT còn hạn chế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ô nhiễm không khí là vấn đề không chỉ của riêng của huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam mà còn là vấn đề của nhiều khu vực khác cũng như hai khu đô thị lớn Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang có tình trạng ONKK đáng báo động. ONKK còn là tác nhân âm thầm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của cộng đồng, xã hội. Chính vì vậy, việc nhận diện những bất cập, chông chéo trong hệ thống quy định pháp luật sẽ thật sự có ý nghĩa khi được các cơ quan chức năng ghi nhận, đánh giá và điều chỉnh trực tiếp vào hoạt động thực tiễn quản lý trong đời sống xã hội nhằm ngăn chặn ONKK xảy ra. Bên cạnh đó, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ở địa phương vẫn còn nhiều vấn đề lo ngại chưa giải quyết triệt để, dẫn đến việc kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí không thật sự hiệu quả. Cuối cùng ở các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thật sự quan tâm vấn đề BVMT, một số doanh nghiệp còn sử dụng công nghệ lạc hậu, không có hệ thống xử lý khí thải hoặc đầu tư rất hạn chế cho hệ thống xử lý khí thải dễ dẫn đến ONKK ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân xung quanh.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

3.1.1. Đảm bảo con người được sống trong môi trường trong lành là nguyên tắc trụ cột, là quyền tự nhiên của con người.

Được ghi nhận tại Điều 43 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.” từ đó trở thành nguyên tắc của Luật BVMT năm 2014. Được hiểu là quyền con người được sống trong một môi trường với chất lượng cho phép, cuộc sống được đảm bảo về mặt vệ sinh môi trường, được hài hòa với tự nhiên. Hay nói cách khác, là quyền được sống trong một vùng không bị ô nhiễm, không bị suy thoái môi trường. Tuy nhiên, luật ghi nhận nguyên tắc về bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành, nhưng lại chưa quy định rõ cơ chế pháp lý để bảo vệ quyền này khi bị xâm phạm. Cụ thể cần phải hoàn thiện cơ chế bảo hiến để người dân có thể thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành.

3.1.2. Hoàn thiện quy định về QCVN môi trường không khí, đặc biệt là quy chuẩn kỹ thuật về khí thải.

Việt Nam hiện vẫn thiếu các quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí đối với mùi và quy chuẩn môi trường không khí trong nhà nên rất cần bổ sung hai văn bản nội dung này. Bên cạnh đó, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường theo hướng rà soát, bổ sung hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam phù hợp chuẩn mực khu vực và quốc tế; xây dựng lộ trình áp dụng để thiết lập hàng rào kỹ thuật ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường, dịch chuyển công nghệ lạc hậu vào Việt Nam.

3.1.3. Quy định cụ thể nội dung về đánh giá tác động môi trường không khí, quan trắc môi trường không khí.

- Đẩy mạnh các hoạt động quan trắc môi trường, kiểm kê khí thải, kiểm soát môi trường không khí tại đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn huyện Núi Thành.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh dự án đầu tư hệ thống trạm quan trắc không khí tự động liên tục trên địa bàn huyện.

- Bộ TN&MT cần tiếp tục thúc đẩy hoàn thiện chính sách pháp luật về quan trắc môi trường, sẽ tiếp tục mở rộng và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế.

- Tăng cường đẩy mạnh thực hiện các đề xuất về xử lý ô nhiễm MTKK, Bộ TN&MT cần thay đổi theo hướng kiểm soát chặt chẽ hoạt động này thông qua các kế hoạch giám sát của các cơ quan, tổ chức, kiểm tra đột xuất và lấy mẫu đối chứng.

- Quan trắc môi trường hàng năm cần mở rộng không gian, quy mô ở các điểm nóng xả thải như gần khu vực: Khu Công nghiệp Cơ khí và Ô tô Thaco Chu Lai, công ty TNHH Kính nổi Chu Lai, công ty Gạch men DIC,...

3.1.4. Cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm khuyến khích cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện môi trường không khí.

Bảo vệ môi trường không khí cũng như ứng phó với biến đổi khí hậu, chúng ta không chỉ khuyến khích mà Luật còn quy định cụ thể Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ đối với quá trình này. Ví dụ như ban hành các chính sách về miễn giảm thuế, về hỗ trợ tài chính, hỗ trợ mở rộng thị trường, ... cho tổ chức, cá nhân nhằm lan tỏa ngày càng nhiều các hoạt động có lợi cho MTKK, giúp giảm ô nhiễm MTKK, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

3.1.5. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, giám sát môi trường để đáp ứng được các yêu cầu về quản lý khí thải của doanh nghiệp.

- Chính phủ cần xem xét, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường không khí.

- Cần phải nâng cao trình độ, trách nhiệm cho đội ngũ thanh tra môi trường.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện hiện đại cho thanh tra môi trường.

- Nghiên cứu có giải pháp thu hút nguồn lực xã hội hóa đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

3.1.6. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hành chính, pháp luật hình sự về vi phạm môi trường không khí.

- Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến xác định VPHC để bảo đảm thống nhất giữa Nghị định với các văn bản khác liên quan.

- Bổ sung quy định xác định lưu lượng khí thải đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh không gắn đồng hồ đo lưu lượng thải (trường hợp không có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án BVMT).

- Cần quy định việc quản lý nguồn phát thải gắn chặt với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.

3.1.7. Giải pháp lâu dài, cần xây dựng Luật không khí sạch ở Việt Nam.

Là một nước đã chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thực trạng phát thải các chất ô nhiễm vào không khí gia tăng như hiện nay càng khiến Việt Nam chịu nhiều rủi ro về môi trường không khí, mất dần hệ sinh thái tự nhiên và sức khỏe con người bị đe dọa nghiêm trọng. Trong khi đó, các giải pháp về mặt chính sách trong khuôn khổ hệ thống luật pháp môi trường hiện tại đang không thể đáp ứng được các thách thức này. Chính vì lẽ đó cần sớm có luật không khí sạch để có thể giải quyết được những tồn tại.

3.2. Tăng cường cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước, quản lý môi trường tại chính các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong bảo vệ môi trường không khí

3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường không khí

Một là, tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT nói chung, MTKK nói riêng từ Trung ương đến địa phương.

Hai là, tăng cường công tác quản lý quy hoạch.

Ba là, tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý môi trường, phát huy hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp môi trường và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực BVMT.

Bốn là, đề xuất tăng chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ, khắc phục ONMT không khí bảo đảm yêu cầu trong giai đoạn mới.

3.2.2. Huy động sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng trong việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh

Dù đã có những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn cần xác định việc phát huy ý thức của toàn cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường là một chặng đường dài. Vì vậy, huyện ta cần tập trung tuyên truyền, tăng cường giáo dục cho nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn huyện thấy rõ hơn những tác hại của việc gây ô nhiễm môi trường; từng bước xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, tập trung xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển cho phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; chỉ đạo lập quy hoạch xử lý rác trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện một cách khoa học, hợp lý và đúng luật định.

3.2.3. Kiểm soát chặt chẽ xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường không khí trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn

Thứ nhất, các doanh nghiệp có phát sinh khí thải buộc phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải.

Thứ hai, đưa công tác BVMTKK trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân viên trong doanh nghiệp.

Thứ ba, Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai cần thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao.

3.2.4. Sử dụng công nghệ sạch thân thiện với môi trường đối với các ngành công nghiệp có nguy cơ cao gây ô nhiễm và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo

Các chính sách, quy định về phát triển bền vững ưu tiên lĩnh vực thân thiện môi trường được quy định khá rõ ràng, nhưng thực tiễn áp dụng pháp luật lại chưa hiệu quả. Vì vậy, cần có những giải pháp tốt hơn để khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng các công nghệ hiện đại hơn, thân thiện với môi trường và ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo.

3.2.5. Chấm dứt phát thải các chất gây ô nhiễm không khí làm giảm lượng khí nguy hại ra môi trường và làm chậm lại sự ấm lên toàn cầu.

mỗi cá nhân và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đều phải chung tay BVMTKK, hạn chế đến mức tối thiểu hoạt động trong đời sống hằng ngày và hoạt động sản xuất kinh doanh có phát thải khí thải nhà kính. Bao gồm các hành động thiết thực như: Người dân nên tiết kiệm hoặc sử dụng năng lượng hiệu quả hơn; Hoạt động sản xuất, kinh doanh cần các giải pháp về cải tiến thiết bị nâng cao hiệu suất, thay đổi quy trình vận hành để tiết kiệm, giảm chi phí và hạn chế năng lượng dư thừa ra không khí.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trước tình hình không khí càng ngày càng xấu đi, ô nhiễm ngày càng trầm trọng thì không những ở địa phương mà cả ở trung ương cần có những giải pháp quyết liệt hơn cho công tác phòng chống ô nhiễm môi trường không khí. Về phía nhà nước có những giải pháp cấp bách, kịp thời như: Hoàn thiện quy định về QCVN môi trường không khí, đặc biệt là quy chuẩn kỹ thuật về khí thải; Quy định cụ thể nội dung về đánh giá tác động MTKK, quan trắc MTKK; Cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm khuyến khích cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện MTKK; Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra để đáp ứng được các yêu cầu về quản lý khí thải của doanh nghiệp; Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về xử lý VPHC, xử lý hình sự đối với vi phạm bảo vệ MTKK; Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nguồn nhân lực cho công tác BVMT và huy động sự tham gia của quần chúng nhân dân

vào sự nghiệp BVMT. Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất kinh doanh, KCN, KCX, KKT ở địa phương cần có những biện pháp tích cực hơn nữa để BVMT nói chung và BVMTKK nói riêng, cụ thể: Kiểm soát chặt chẽ xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường không khí trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn; Sử dụng công nghệ sạch thân thiện với môi trường đối với các ngành công nghiệp, máy móc và đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo; Chấm dứt phát thải các chất gây ô nhiễm không khí làm giảm lượng khí nguy hại ra môi trường và làm chậm lại sự ấm lên toàn cầu.

KẾT LUẬN

Pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những quy định pháp luật quan trọng, là phương tiện hữu hiệu để cơ quan Nhà nước sử dụng và áp dụng xử lý những vi phạm về việc gây ô nhiễm MTKK của các cá nhân, tổ chức hoạt động SXKD.

Qua những nghiên cứu trên tác giả đã hoàn thành được những mục tiêu của nghiên cứu và có những đóng góp như sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường không khí, những hành vi vi phạm môi trường không khí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời để làm rõ những vấn đề lý luận, tác giả đã nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật BVMT nói chung và BVMTKK nói riêng trên địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Thứ hai, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật BVMTKK tác giả đã đưa ra được những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực thi pháp luật BVMTKK của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bên cạnh đó còn đưa ra được những bất cập trong công tác BVMTKK ở chính các cơ sở SXKD, các KCN, KCX, KKT. Từ đó có những giải pháp cụ thể, thiết thực giải quyết những sai phạm trong thời gian qua và hạn chế nguy cơ ONKK trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Nghị quyết

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 06 năm 2017, Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, trang 25.

2. Đảng cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 03 tháng 06 năm 2013, Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành trung ương khóa XI, trang 33.

II. Văn bản pháp luật

3. Quốc hội, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 2013, NXB lao động.

4. Quốc hội, Bộ luật dân sự năm 2015, NXB lao động.

5. Quốc hội, Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009, NXB lao động.

6. Quốc hội, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017, NXB lao động.

7. Quốc hội, Luật bảo vệ môi trường 2005, NXB lao động.

8. Quốc hội, Luật Bảo vệ môi trường 2014, NXB lao động.

9. Chính phủ, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 quy định về “xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.”

10. Chính phủ, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 quy định “về xác định thiệt hại đối với môi trường.”

11. Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 quy định “Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường”

12. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2015 quy định “về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.”

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 28/2011/TT-BTNMT ngày 01 tháng 08 năm 2011 về “quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.”

14. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 về “bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.”

15. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 03 năm 2004 về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

16. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 06 năm 2003 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

III. Công trình khoa học

17. Trường Đại học luật Hà Nội, *Giáo trình luật môi trường* (2016), NXB công an nhân dân, Hà Nội.

18. Trường Đại học luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học* (2015), NXB công an nhân dân, Hà Nội.

19. Trần Quang Huy (2012), *Giáo trình luật môi trường*, Trung tâm đào tạo từ xa, Đại học Huế, NXB công an nhân dân, Hà Nội.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2000), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học về Luật Môi trường, Luật Kinh tế, Luật Tài chính, Luật Ngân hàng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội

21. Bùi Đức Hiền (2013), “Chính sách, pháp luật môi trường bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội Đảng XI”, Tạp chí Luật học.

22. Lê Thế Phúc (2003), “Pháp luật về tiêu chuẩn môi trường Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

23. Hoàng Dương Tùng – Lê Hoàng Anh (2008), “Báo cáo môi trường quốc gia năm 2007 môi trường không khí đô thị Việt Nam”, Tạp chí Môi trường.

24. Vũ Thị Duyên Thủy (2001), “Pháp luật bảo vệ môi trường không khí ở Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện”, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học luật Hà Nội.

25. Hà Thị Phương Ngọc (2012), “Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí”, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học luật Hà Nội.

26. Phạm Ngọc Đăng, (2007), “Các thách thức về ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta”, Tạp chí môi trường.

IV. Tài liệu web

27. <http://dangcongsan.vn/xa-hoi/o-nhiem-khong-khi-gay-anh-huong-nghiem-trong-den-suc-khoe-con-nguoi-539280.html>, truy cập ngày 14 tháng 12 năm 2019.

28. <http://www.monre.gov.vn/Pages/cac-nguon-gay-o-nhiem-moi-truong.aspx>, truy cập ngày 14 tháng 12 năm 2019.

29. <https://www.slideshare.net/garmentspace/pht-trin-bn-vng-cc-khu-cng-nghip-trn-a-bn-tnh-thi-nguyn>, truy cập ngày 09 tháng 03 năm 2020.

30. <https://dantri.com.vn/ban-doc/ba-nha-may-o-nhiem-ket-cung-trong-khu-dan-cu-dan-song-mon-vi-benh-20171014074517656.htm>, truy cập ngày 12 tháng 03 năm 2020.

31. <http://ceid.gov.vn/bao-cao-chuyen-de-ve-moi-truong-quoc-gia-nam-2017-chuyen-de-quan-ly-chat-thai/>, truy cập ngày 12 tháng 03 năm 2020.

32. <https://tailieu.vn/doc/de-tai-van-de-o-nhiem-moi-truong-trong-cac-khu-cong-nghiep-tp-hcm-thuc-trang-va-cac-giai-phap-kin-1696095.html>, truy cập ngày 21 tháng 03 năm 2020.

33. <https://tuoitre.vn/nha-may-kinh-gay-o-nhiem-nguoi-dan-keu-cuu-669588.htm>, truy cập ngày 12 tháng 05 năm 2020.

34. <https://khoaoc.tv/the-gioi-dang-bi-o-nhiem-khong-khi-nhu-the-nao-72406>, truy cập ngày 12 tháng 05 năm 2020.

35. <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Hi%E1%BB%87n-tr%E1%BA%A1ng-m%C3%B4i-tr%E1%BB%9Dng-kh%C3%B4ng-kh%C3%AD-%E1%BB%9F-Vi%E1%BB%87t-Nam-38622>, truy cập ngày 24 tháng 05 năm 2020.

36. <http://www.khucongnghiepchulai.vn/index.php/tin-tuc-su-kien/53-thc-trng-va-gii-phap-bo-v-moi-trng-kcn-oi-iu-cn-ban->, truy cập ngày 25 tháng 05 năm 2020.